

Số: /KH-STNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### **Thực hiện chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.**

*Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52- NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.*

Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích:**

Ngành tài nguyên và môi trường (TN&MT) Lạng Sơn phấn đấu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 hoàn thiện ứng dụng công nghệ số (chuyển đổi số), phối hợp, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) toàn diện nhằm đẩy mạnh việc quản lý hiệu quả lĩnh vực TN&MT.

### **2. Yêu cầu:**

Xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số của ngành TN&MT Lạng Sơn, hoàn thành các CSDL về TN&MT và kết nối

CSDL của địa phương với CSDL Bộ, Ngành, Trung ương có liên quan. Các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

## **II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN**

### **1. Ứng dụng Công nghệ thông tin góp phần phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động.**

Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động.

Hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật bắt kịp thay đổi nhanh chóng của công nghệ, bảo đảm phát triển, vận hành Chính phủ điện tử ngành, đáp ứng yêu cầu tiến trình chuyển đổi số.

100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3 và mức độ 4 (*trong đó đến năm 2025 tối thiểu đạt 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đến năm 2030 đạt 100% số lượng hồ sơ thực hiện ở mức độ 4*).

Duy trì 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Sở được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bảo đảm an toàn thông tin mạng, 100% máy chủ, máy trạm của ngành được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; hoàn thành xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Hệ thống thông tin của ngành được đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Lộ trình đến năm 2025: 60% thiết bị quan trắc tự động, liên tục các thành phần môi trường sử dụng công nghệ số, trong đó 50% tích hợp giải pháp thông minh sử dụng công nghệ kết nối internet vạn vật (IoT); đến năm 2030 các chỉ tiêu nêu trên đạt 100%.

Phấn đấu đến năm 2025: 50% hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành sử dụng CSDL để phục vụ cho quá trình thanh tra, kiểm tra; giảm lượng hồ sơ, tài liệu mà đối tượng được thanh tra, kiểm tra phải xuất trình và chuẩn bị dạng giấy; mục tiêu đến năm 2030 đạt 100%.

100% công chức, viên chức, người lao động làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện hoạt động chuyển đổi số của ngành.

## **2. Phát triển kinh tế số, phát huy hiệu quả kinh tế của CSDL ngành TN&MT.**

Phát triển kinh tế số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động.

Hoàn thiện CSDL, liên tục cập nhật với sự tham gia của tổ chức, cá nhân, cộng đồng; bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho thực hiện dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, làm nền tảng phát triển Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

Xây dựng Công thông tin khai thác dữ liệu TN&MT tỉnh Lạng Sơn để phục vụ công tác quản lý Nhà nước về TN&MT, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng, quản lý và khai thác thông tin cho mọi đối tượng có nhu cầu trên cổng thông tin điện tử Sở TN&MT, đồng thời làm cơ sở để kết nối với CSDL quốc gia về TN&MT.

Huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng hoạt động xây dựng, cung cấp dữ liệu số, cung cấp dịch vụ số về TN&MT. Cung cấp đầy đủ dịch vụ dữ liệu, thông tin về TN&MT cho phát triển kinh tế số, dịch vụ nội dung số.

## **3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.**

Tuyên truyền, truyền thông số nâng cao nhận thức cộng đồng về chuyển đổi số TN&MT. Sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước làm hài lòng người dân, doanh nghiệp, tạo thói quen sử dụng dịch vụ số, góp phần phát triển xã hội số.

Hoàn thành CSDL đất đai trên địa bàn tỉnh, kết nối, tích hợp với CSDL đất đai quốc gia; kết nối với cơ quan thuế; kết nối với CSDL về dân cư; CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; CSDL Tài nguyên nước và Khoáng sản kết nối với dữ liệu Tài nguyên nước, nước dưới đất, dữ liệu tài nguyên khoáng sản.

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Các nhiệm vụ ưu tiên trong Chuyển đổi số TN&MT.**

Tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện các dự án:

Xây dựng công thông tin quy hoạch sử dụng đất; khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và khung kiến trúc điện tử ngành tài nguyên và môi trường có kết nối Công dữ liệu chuyển đổi số của tỉnh Lạng Sơn;

Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin, tư liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn;

Dự án điều chỉnh Atlas tỉnh Lạng Sơn;

Cơ sở dữ liệu Tài nguyên nước và Khoáng sản đang thực hiện, hoàn thành trong năm 2021 đưa vào khai thác sử dụng năm (2022);

Phần mềm Quản lý hồ sơ thuê đất của các tổ chức, thực hiện năm 2021-2022 cập nhật, nâng cấp và kết nối dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu thông tin, tư liệu tài nguyên và môi trường;

Kết nối CSDL địa chính (Elis – Cloud) của ngành TN&MT Lạng Sơn với CSDL đất đai quốc gia;

Triển khai có hiệu quả Dự án Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai gồm: Thành phố Lạng Sơn, huyện Bình Gia, Cao Lộc và Lộc Bình. Trong thời gian tiếp theo sẽ hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu cho các huyện còn lại trong tỉnh;

Xây dựng cấu trúc cơ sở dữ liệu đảm bảo việc tích hợp cơ sở dữ liệu từ các dự án thành phần vào cơ sở dữ liệu chung của Sở;

Xây dựng cổng thông tin dữ liệu TN&MT trên Web và nền tảng Appmobile IOS, Android với phân hệ ưu tiên thực hiện là các chức năng phục vụ việc tra cứu thông tin đất đai của người dân và cơ quan quản lý;

Xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; xuất bản cơ sở dữ liệu giá đất, xuất bản cơ sở dữ liệu quỹ đất kêu gọi đầu tư lên cổng thông tin dữ liệu TN&MT. Kết nối đến các cơ sở dữ liệu tư liệu, cơ sở dữ liệu khoáng sản và tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường lên cổng thông tin dữ liệu TN&MT; cho phép người dùng tra cứu, tìm kiếm và khai thác dữ liệu.

Xây dựng chương trình thu phí tra cứu dịch vụ trực tuyến trên Cổng thông tin dữ liệu TN&MT. Căn cứ theo Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 07 năm 2017 của tỉnh Lạng Sơn về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Xây dựng cấu trúc cơ sở dữ liệu đảm bảo việc tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai từ các dự án thành phần cho tất cả các huyện vào cơ sở dữ liệu chung của Sở.

Đề đảm bảo đường truyền tín hiệu mạng được tốt, đảm bảo nền tảng cho chuyển đổi số, số hóa, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin (Hệ thống mạng nội bộ LAN) cần được đầu tư, thay thế các thiết bị công nghệ thông tin mới, kịp thời bảo đảm công tác vận hành, cập nhật, khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính và các hệ thống khác được hiệu quả, nhất là bảo đảm an toàn,

an ninh cho thông tin, dữ liệu của ngành; đầu tư thiết bị lưu điện cho hệ thống máy chủ để đảm bảo sử dụng nhằm ổn định nguồn điện cấp cho hệ thống máy chủ, thay thế điều hòa cho phòng máy chủ và nâng cấp, mở rộng phòng máy chủ của Sở (*sắp tới thêm 02 máy chủ của dự án CSDL Tài nguyên nước và Khoáng sản*).

## **2. Phát triển hạ tầng số:**

Tái cấu trúc, tập trung hóa hạ tầng số, kết nối, cung cấp cơ sở hạ tầng, nền tảng, dịch vụ dùng chung, ứng dụng dưới dạng dịch vụ của hệ thống, hạn chế tối đa hạ tầng số dùng riêng tại các cơ quan, đơn vị.

Triển khai hạ tầng phục vụ kết nối mạng lưới thiết bị IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số, bao gồm cả các thiết bị IoT của doanh nghiệp để thiết lập nền tảng số thu nhận dữ liệu, thông tin TN&MT toàn tỉnh.

Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet sang IPv6 (*Internet protocol version 6*)

## **3. Phát triển hạ tầng dữ liệu:**

Xây dựng, phát triển và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về TN&MT trên cơ sở kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

Tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu TN&MT đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh (dữ liệu không gian đô thị, đất đai, môi trường, tài nguyên nước, địa chất, thời tiết...).

Xây dựng kho điện tử lưu trữ dữ liệu điện tử TN&MT, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, datalake) nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về TN&MT.

## **4. Xây dựng nền tảng số:**

Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu TN&MT kết nối các CSDL quốc gia, CSDL của các bộ, ngành, địa phương.

Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Sở, ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin cho khai thác, sử dụng. Xây dựng hệ thống xác thực điện tử dùng chung toàn ngành.

Xây dựng, cung cấp các nền tảng dữ liệu số tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường.

## **5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin:**

Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Tập huấn luyện tập bảo đảm an toàn thông tin mạng; nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ, đào tạo kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực trong chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

Giao Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thực hiện thường xuyên đánh giá an toàn, an ninh thông tin và thường xuyên kiểm tra các thiết bị mạng, đảm bảo an toàn thông tin, CSDL dữ liệu địa chính, CSDL Tài nguyên nước và Khoáng sản và các CSDL khác.

## **6. Phát triển kinh tế số:**

Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, nội dung số về TN&MT cho tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu.

Phối hợp, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về TN&MT phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

## **7. Cung cấp dịch vụ phát triển xã hội số:**

Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về TN&MT. Bảo đảm tương tác giữa các cơ quan trong ngành với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng dịch vụ số, ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng về TN&MT.

Thu hút nhân lực, đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chuyên môn cao về công nghệ thông tin, kỹ năng chuyển đổi số TN&MT.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức**

Thường xuyên, sáng tạo phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nhiệm vụ chuyển đổi số.

Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ

quan, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động; nêu gương, truyền cảm hứng trong quyết liệt thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động thực thi nhiệm vụ.

Đổi mới lề lối, phương thức làm việc, xây dựng văn hóa công sở mới phù hợp với quá trình phát triển Chính phủ số.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trong tiến trình chuyển đổi số.

## **2. Cải cách hành chính, chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ**

Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá, thay đổi hoặc loại bỏ thủ tục hành chính không phù hợp.

## **3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ**

Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các giải pháp công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo nền tảng chuyển đổi số ngành tài nguyên môi trường trong tiến trình phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

Phát triển, ứng dụng công nghệ tự động hóa, số hóa, mô hình hóa, trong thu nhận dữ liệu, điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tài nguyên và môi trường; các giải pháp công nghệ thông minh phục vụ quản trị, phân tích, xử lý, khai thác, cung cấp sử dụng dữ liệu số ngành tài nguyên môi trường.

Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao hiệu quả các công nghệ mới từ các đối tác tiên tiến để trong thu nhận, quản lý, phân tích xử lý dữ liệu tạo bứt phá trong phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường.

## **4. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực**

Đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo về chuyển đổi số.

Tổ chức đào tạo đội ngũ chuyên gia nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

Thu hút lực lượng chuyên gia chuyển đổi số có kinh nghiệm triển khai

tham gia đào tạo trong các chương trình đào tạo; tham gia mạng lưới chuyên gia về chuyển đổi số.

### **5. Bảo đảm kinh phí**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tham mưu bố trí đủ kinh phí chi thường xuyên để duy trì, vận hành các hệ thống thông tin của ngành nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai theo nội dung của Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về việc triển khai, thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả các dự án được giao.

Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này trước ngày 20 tháng 12 hàng năm về Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **2. Văn phòng Sở**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, chuẩn hoá, tái cấu trúc, đơn giản hoá quy trình, thời gian thực hiện và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên môi trường số; đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở.

Chủ trì, tham mưu thực hiện gắn kết công tác cải cách hành chính với chuyển đổi số ngành TN&MT; các tiêu chí về phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số trong công tác đánh giá, xếp loại đơn vị, cá nhân thường xuyên.

Tham mưu cho Sở TN&MT kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số của ngành.

### **3. Phòng Kế hoạch - Tài chính**

Tham mưu Sở TN&MT cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn quản lý ngân sách hiện hành.

### **4. Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT**

Là đơn vị đầu mối của Sở TN&MT phối hợp thực hiện chuyển đổi số ngành TN&MT từ nay đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 giúp Sở chỉ đạo triển khai thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị liên quan thực



hiện Kế hoạch này.

Tổng hợp báo cáo về Sở TN&MT kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để kịp thời tháo gỡ.

Đôn đốc, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

Đề xuất, xây dựng các nhiệm vụ về hiện đại hóa hành chính và quản trị thông minh triển khai tại cơ quan, đơn vị thuộc Sở.

### **5. Trung tâm Tài nguyên và Môi trường**

Đảm bảo các thiết bị quan trắc tự động, liên tục các thành phần môi trường sử dụng công nghệ số, tất cả các thiết bị được kết nối với nhau, trong đó 70% tích hợp giải pháp thông minh sử dụng công nghệ kết nối internet vạn vật (IoT).

### **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Cung cấp, giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Quyết định số 28//2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn, Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để phục vụ, thực hiện cho các nội dung của Kế hoạch này.

Tham gia cập nhật thông tin, dữ liệu; sử dụng các ứng dụng do Sở TN&MT cung cấp để phục vụ công tác quản lý ở địa phương.

Yêu cầu các phòng, cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh ( báo cáo);
- Sở Tài chính, Sở TTTT (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố (phối hợp t/h);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở ( thực hiện);
- Lưu: VT, TTCNTT (NQH).

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Văn Côi**